

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2021/DS-PT
Ngày 14-10-2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Tuấn

Ông Nguyễn Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 177/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1961;

2. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1951;

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1966;

2. Bà Nguyễn Thị Mười B, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Lê Thành Y, Phó chủ tịch.

(Được Ủy quyền theo văn bản ủy quyền số: 19/UBND-NC ngày 05/01/2021).

2. Anh Bùi Thanh P, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

3. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

4. Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, các nguyên đơn ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị T trình bày:

Vào ngày 04 tháng 9 năm 2008 ông bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Mười B và ông Đặng Văn T diện tích 54.507m² đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện T. Ông bà đã trả đủ tiền và nhận đất sử dụng từ năm 2008 đến nay, khi thỏa thuận mua bán với nhau là mua bán hết thửa và hết diện tích. Như vậy, thực tế thì ông T và bà Mười B không còn đất và có nghĩa vụ phải di dời nhà giao trả đất cho ông bà nhưng vì thấy hoàn cảnh của ông T và bà Mười B khó khăn nên ông bà cho lại ông T và bà Mười B quyền sử dụng đất diện tích ngang 25m dài 30m (tổng diện tích là 750m²) để ở vì lúc đó trên đất có căn nhà tạm của ông T và bà Mười B. Ông bà có viết giấy tay giao cho ông T và bà Mười B. Đến năm 2020 ông T và bà Mười B lấn chiếm đất của ông bà qua đo đạc thực tế diện tích 2.569,2m² đất thuộc một phần thửa X, tờ bản đồ số A, trong đó xây dựng nhà ở và công trình phụ hết diện tích 1.099,2m², sự việc đã xảy ra nên nay ông bà đồng ý cho lại ông T và bà Mười B diện tích 1.099,2m² (trong khuôn viên xây dựng và công trình phụ) phần còn lại 1.470m² yêu cầu ông T và bà Mười B phải trả lại cho ông bà. Đối với căn nhà của ông P và bà M, ông bà đồng ý để ông P và bà M tiếp tục ở nhờ, không tranh chấp, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì ông bà sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác, không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ kiện này vì hiện tại hoàn cảnh gia đình ông P và bà M rất khó khăn. Đối với yêu cầu của ông T và bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do ông bà đứng tên diện tích là 2.569,2m² đất thuộc một phần thửa X, tờ bản đồ số A; ông bà không đồng ý, bởi vì nguồn gốc đất là của ông bà nhận chuyển nhượng hợp pháp của ông T và bà Mười B.

Bị đơn ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B trình bày:

Ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị T vì vào năm 2008 ông bà có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn U diện tích 49.870m² nhưng hai bên lập thủ tục chuyển nhượng cho nhau là 54.507m², chuyển nhượng hết thửa, tất cả diện tích đất; không đo đạc lại hiện trạng thực tế nên khi chuyển

nhượng xong vợ chồng ông U, bà T thông nhất chừa lại cho ông bà ngang 25m dài 30m là nền nhà và cái hầm, nay diện tích qua đo đạc thực tế 2.569,2m² đất tại một phần thửa X, tờ bản đồ số A thì ông bà cũng đồng ý, chỉ yêu cầu ông U và bà T trả lại cho ông bà 2.569,2m² đất tại một phần thửa X, tờ bản đồ số A. Ngoài ra ông bà không tranh chấp khoản nào khác, còn căn nhà của ông P và bà M, ông bà đồng ý cho ông P và bà M tiếp tục ở nhờ, ông bà không tranh chấp. Nếu ông U và bà T không đồng ý thì yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Huỳnh Thị T diện tích 2.569,2m² đất tại một phần thửa X, tờ bản đồ số A để cấp lại cho ông bà. Việc ông U và bà T chỉ đồng ý giao trả 1.099,2m² ông bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An do người đại diện hợp pháp là ông Lê Thành Y trình bày: Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị T tại thửa đất số X, tờ bản đồ số A là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị T là cấp theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đề nghị Tòa án xem xét.

Anh Bùi Thanh P và chị Nguyễn Thị M trình bày:

Anh chị là những người ở nhờ trên phần đất của ông T và bà Mười B, việc tranh chấp trên anh chị không có ý kiến nhưng nếu Tòa án tuyên phần đất này của ai thì anh chị xin tiếp tục ở nhờ, nếu không cho ở nhờ thì anh chị sẽ tự nguyện di dời nhà trả lại đất, anh chị không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì.

Anh Nguyễn Quốc V trình bày:

Anh không liên quan đến phần đất tranh chấp giữa các bên nên anh không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã căn cứ Điều 26, 34, 35, 39, 147, 157 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95, 96, 97, 99, 106, 134, 166 và Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U, bà Huỳnh Thị T đối với ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn U, bà Huỳnh Thị T tự nguyện điều chỉnh quyền sử dụng đất diện tích 1.099,2m² đất tại một phần thửa X, tờ bản đồ số A, đất tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An để cấp lại cho ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B (Theo bản vẽ trích đo ngày 05/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T).

Buộc ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn U, bà Huỳnh Thị T quyền sử dụng đất diện tích 1.470m², đất tại một phần thửa X, tờ bản đồ số A, đất tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An

(Theo bản vẽ trích đo ngày 05/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T).

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan chức năng để kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển quyền, thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật cho phù hợp hiện trạng thực tế.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị T diện tích 2.569,2m², đất tại một phần thửa X, tờ bản đồ số A, đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện T để cấp lại cho ông bà.

3. Về chi phí tố tụng (đo đạc, thẩm định và định giá): Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị T số tiền 24.606.000 đồng.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông U và bà T số tiền 750.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0005531 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B phải liên đới chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0005681 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Ông T và bà Mười B còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01 tháng 6 năm 2021 các bị đơn ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, được tiếp tục sử dụng diện tích 2.569,2m² đất tại thửa số X tờ bản đồ số A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bị đơn ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B không rút đơn kháng cáo, trình bày cho rằng, sau khi thực hiện việc chuyển nhượng thì bà T ông U đồng ý điều chỉnh phần diện tích đất mà gia đình ông T bà Mười B đang sử dụng để trả lại cho các bị đơn, đây là phần diện tích đất thực tế của ông T và bà Mười B không phải là của bà T ông U, nên đề nghị được tiếp tục sử dụng và được điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T cho ông T bà Mười B được đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 2.569,2m² đất tại thửa số X tờ bản đồ số A.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông T và bà Mười B trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, xét yêu cầu kháng cáo của các bị đơn thấy rằng: Ngày 04/9/2008, ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 54.507m² đất của bà Nguyễn Thị Mười B và ông Đặng Văn T, khi chuyển nhượng không tiến hành đo đạc. Ngày 25/8/2009, bà T viết giấy tay đồng ý để lại cho ông T nền nhà diện tích 750m². Tuy nhiên, ông T và bà Mười B đã lấn chiếm sử dụng diện tích 2.569,2m² tại một phần thửa X. Lẽ ra, ông T và bà Mười B phải hoàn trả diện tích đất đã lấn chiếm nhưng phía ông U và bà T tự nguyện để lại cho ông T và bà Mười B diện tích khuôn viên nhà 1.099,2m² là có lợi cho phía bị đơn. Do đó kháng cáo của các bị đơn ông T và bà Mười B là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của các bị đơn ông Đặng Văn T và Nguyễn Thị Mười B được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Ủy ban nhân dân huyện T, anh Bùi Thanh P, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Quốc V vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn U khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B giao trả một phần diện tích đất thuộc một phần thửa X tờ bản đồ số A trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN XY ngày 17/9/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng cho bà Huỳnh Thị T. Sau khi tiến hành đo đạc, các nguyên đơn thống nhất chỉ tranh chấp yêu cầu đối với diện tích 1.470m² đối với phần đất trống và phần đất có nhà của anh Bùi Thanh P và chị Nguyễn Thị M, riêng phần diện tích đất 1.099,2m² trên đó ông T và bà Mười B đang xây dựng nhà và công trình phụ thì các nguyên đơn đồng ý để lại cho phía bị đơn sử dụng. Phía bị đơn ông T và bà Mười B có yêu cầu phản tố yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T đối với phần diện tích 2.569,2m². Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của các bị đơn nên các bị đơn đã kháng cáo.

[4] Các đương sự đều trình bày thống nhất vào ngày 04 tháng 9 năm 2008 ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị T diện tích 54.507m² trong đó có 21.705m² đất RSX thuộc thửa X tờ bản đồ số A, được thể hiện bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số AB được chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã V huyện T. Bà T đã được công nhận quyền sử dụng đất. Ông T và bà Mười B trình bày cho rằng, khi chuyển nhượng không tiến hành đo đạc nên sau đó bà T và ông U có thỏa thuận chuyển lại cho ông T và bà Mười B 4.637m² đất nhưng không được bà T và ông U thừa nhận. Căn cứ vào giấy tay do bà T lập vào ngày 25/8/2009, sau đó giao lại cho ông T và bà Mười B thì bà T chỉ đồng ý để lại cho ông T và bà Mười B phần nền nhà có chiều ngang 25m và chiều dài là 30m, tổng diện tích là 750m², sau khi tiến hành đo đạc, phía bà T và ông U đồng ý để lại cho ông T và bà Mười B toàn

bộ diện tích đất mà ông T bà Mười B xây dựng nhà cùng công trình phụ là 1.099,2m². Như vậy việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T là có căn cứ. Chính vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ. Ông T bà Mười B kháng cáo không đưa ra được chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chấp nhận phát biểu đề nghị giải quyết vụ án của bà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[5] Tuy nhiên do quyết định của bản án sơ thẩm chưa tuyên vị trí chính xác của các phần diện tích đất tranh chấp, một phần diện tích đất là 90m² hiện do anh Bùi Thanh P và chị Nguyễn Thị M đang sử dụng cất nhà ở, bà T ông U không có yêu cầu những người này giao trả nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc ông T và bà Mười B giao trả là chưa phù hợp thực tế, vì vậy để đảm bảo công tác thi hành án, cần phải chỉnh sửa quyết định của bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

[6] Về án phí: Các bị đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Bác yêu cầu kháng cáo của các bị đơn ông Đặng Văn T bà Nguyễn Thị Mười B.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T về cách tuyên án.

Căn cứ vào Điều 26, 37, 39, 147, 148, 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 95, 96, 97, 99, 106, 134, 166 và Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U, bà Huỳnh Thị T về tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B.

Buộc ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn U, bà Huỳnh Thị T quyền sử dụng đất diện tích 1.380m² đất tại một phần thửa X, tờ bản đồ số A, đất tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An. Theo mảnh trích đo ngày 05/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T thì 1.380m² đất có vị trí tiếp giáp như sau:

Đông giáp phần còn lại thửa X;

Tây giáp phần còn lại thửa X hiện ông T bà Mười B đang sử dụng và giáp đường bờ kênh ngang xã V;

Nam giáp phần còn lại thửa X hiện ông T bà Mười B đang sử dụng và giáp thửa CD;

Bắc giáp thửa EF.

2. Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B được tiếp tục sử dụng diện tích 1.099,2m² đất tại một phần thửa X, tờ bản đồ số A, đất tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An. Theo mảnh trích đo ngày 05/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T thì 1.099,2m² đất có vị trí tiếp giáp như sau:

Đông giáp phần còn lại thửa X phần diện tích đất ông T và bà Mười B giao trả cho ông U và bà T;

Tây giáp đường bờ kênh ngang xã V;

Nam giáp thửa CD;

Bắc giáp phần còn lại thửa X phần diện tích đất ông T và bà Mười B giao trả cho ông U và bà T

3. Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B được quyền kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất sử dụng là 1.099,2m². Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn U có quyền và nghĩa vụ chỉnh lý lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần diện tích 1.099,2m² thuộc một phần thửa X, tờ bản đồ số A được giao quyền sử dụng cho ông T và bà Mười B.

4. Bác yêu cầu phản tố của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN XY ngày 17/9/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Huỳnh Thị T diện tích 2.569,2m², đất thuộc một phần thửa X, tờ bản đồ số A, đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện T.

5. Về chi phí tố tụng (đo đạc, thẩm định và định giá): Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị T số tiền 24.606.000 đồng.

6. Về án phí: Ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông U và bà T số tiền 750.000 đồng tạm ứng án phí do bà T đã nộp theo biên lai số 0005531 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B phải liên đới chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005681 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Ông T và bà Mười B còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Mười B mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai số 0005903 và 0005904 cùng ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Nga